

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ
dự toán ngân sách huyện năm 2025**

*(Hoàn thiện theo kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy và ý kiến thẩm tra của Ban
Kinh tế- Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện)*

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa XV, Kỳ họp thứ 8.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum: số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc Ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; và số 23/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu

chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy số 1469-TB/HU ngày 13 tháng 12 năm 2024 về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách huyện năm 2024;

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 đã được tỉnh giao, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách huyện năm 2025, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

A. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

I. Dự toán tỉnh giao

1. Dự toán thu ngân sách địa phương

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn **26.500 triệu đồng**, trong đó: Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước (*thu nội địa*) 26.500 triệu đồng, giảm 13,1% so với dự toán tỉnh và HĐND huyện giao năm 2024. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ngân sách huyện được hưởng (*bao gồm các khoản thu NSDP hưởng 100% và các thu phân chia theo tỷ lệ %*) là 19.631 triệu đồng, bằng 82,4% so với dự toán tỉnh và HĐND huyện giao năm 2024.

- Dự toán thu ngân sách địa phương là **711.730 triệu đồng**, trong đó:

+ Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 19.631 triệu đồng.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên **692.099 triệu đồng¹**.

2. Dự toán chi ngân sách địa phương

2.1 Chi cân đối ngân sách địa phương 555.672 triệu đồng, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển **8.910 triệu đồng**, bằng 55,9% so với dự toán năm 2024, bao gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước 8.030 triệu đồng; Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 880 triệu đồng (giảm 7.040 triệu đồng).

- Chi chi thường xuyên **537.922 triệu đồng²**, tăng gần 22,1% so với dự toán

¹Bao gồm: số bổ sung cân đối ổn định như năm 2024: 402.224 triệu đồng; số bổ sung tăng thêm của năm 2025: 3.999 triệu đồng (Tăng 1% chi TX theo ĐMPB (theo lương 1.490)); bổ sung thực hiện cải cách tiền lương (*tạm phân bổ*): 129.818 triệu đồng; bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách tỉnh 60.074 triệu đồng; bổ sung có mục tiêu từ NSTW để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác 95.984 triệu đồng (trong đó nguồn NSTW thực hiện các Chương trình MTQG tạm giao 74.443 triệu đồng).

² Tăng hơn so với tỉnh giao do cân đối 50% nguồn tăng thu dự toán năm 2024/dự toán năm 2024 và tăng thu dự toán năm 2025/dự toán năm 2024 bổ sung chi 2.273 triệu đồng (trong đó: Sự nghiệp giao dục 1.306 trđ, chi thường xuyên các lĩnh vực khác 967 trđ); đồng thời giảm nguồn CCTL bổ sung từ ngân sách cấp trên.

năm 2024 (tăng 97.539 triệu đồng, trong đó bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP 91.646 triệu đồng), gồm:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề **315.297 triệu đồng**³, tăng gần 25% so với dự toán năm 2024 (tăng 63.614 triệu đồng), trong đó tăng do bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách, đề án do bổ sung tiền lương tăng thêm theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP 60.934 triệu đồng⁴ và bổ sung các chế độ, chính sách do Trung ương và địa phương ban hành thuộc lĩnh vực giáo dục.

+ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ **200 triệu đồng** bằng dự toán năm 2024.

+ Các lĩnh vực chi thường xuyên còn lại **222.425 triệu đồng**, tăng gần 18,5% so dự toán 2024 (tăng 34.753 triệu đồng), trong đó tăng do bổ sung kinh phí thực hiện tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP 30.712 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách **11.113 triệu đồng**, chiếm tỷ lệ 2% trên tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

- Giảm nguồn CCTL bổ sung từ ngân sách cấp trên **2.273 triệu đồng** từ nguồn cân đối 50% nguồn tăng thu dự toán năm 2024/dự toán năm 2024 và tăng thu dự toán năm 2025/dự toán năm 2024 theo quy định.

2.2 Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 156.058 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung từ ngân sách tỉnh 60.074 triệu đồng, gồm (i) Bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể vốn sự nghiệp 50.604 triệu đồng, bổ sung mục tiêu vốn đầu tư nguồn cân đối NSDP 9.470 triệu đồng.

- Bổ sung từ ngân sách Trung ương: 95.984 triệu đồng, trong đó: bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể 21.541 triệu đồng⁵, bổ sung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 74.443 triệu đồng⁶.

II. Dự toán ngân sách địa phương trình HĐND huyện phê chuẩn

1. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2025

- Dự toán thu ngân sách trên địa bàn (thu nội địa) địa phương giao bằng số tỉnh giao là **26.500 triệu đồng**. Theo báo cáo của Chủ đầu tư, các dự án khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện do vướng mắc về quy hoạch, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và các quy định mới liên quan đến Luật Đất đai năm 2024, do đó năm 2025 khó có khả năng thực hiện, nên chưa thể huy động được nguồn thu vào ngân sách; các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí, ... theo Chi cục Thuế huyện số liệu cấp trên giao đã sát với tình hình thực tế tại địa phương.

- Dự toán thu ngân sách địa phương **711.730 triệu đồng** bằng tỉnh giao, trong đó:

+ Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ngân sách huyện được hưởng

³ Bao gồm chi từ nguồn tăng thu dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 (852 trđ) và tăng thu dự toán 2025 so với dự toán 2024 g

⁴ Số tỉnh tạm giao theo số TW phân bổ, huyện Đắk Glei còn thiếu so với nhu cầu để thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (bao gồm cân đối từ 50% tăng thu DT2024/DT2023 và DT2025/DT2024 1.306 trđ)

⁵ Điều chỉnh tăng, giảm KP thực hiện các chính sách ASXH do Trung ương ban hành đã tính ổn định trong CĐNS năm 2023

⁶ Hiện nay Trung ương chưa có văn bản chính thức giao vốn sự nghiệp đối với Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, do đó UBND tỉnh Kon Tum cho phân bổ chi tiết cho các huyện, TP.

(bao gồm các khoản thu NSDP hưởng 100% và các thu phân chia theo tỷ lệ %) là **19.631 triệu đồng**, bằng dự toán tính giao.

+ Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên **536.041 triệu đồng**, tăng 21,3% so với năm 2024 (94.224 triệu đồng). Nếu loại trừ số bổ sung thực hiện tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (90.225 triệu đồng), bổ sung cân đối ngân sách tăng thêm 1% so với năm 2024 (tăng 3.999 triệu đồng)

+ Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên **156.058 triệu đồng**.

(Số liệu chi tiết thu NSNN tại biểu số 01/UB, thu NSNN trên địa bàn các xã, thị trấn tại biểu số 02/UB)

2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025

2.1 Dự toán chi cân đối: 555.672 triệu đồng, gồm:

a. Chi đầu tư phát triển: 8.910 triệu đồng, bao gồm: Chi nguồn vốn trong nước 8.030 triệu đồng, bằng với dự toán 2024; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 880 triệu đồng bằng dự toán tính giao và giảm so với dự toán năm 2024 là 7.040 triệu đồng (giảm gần 88,9%).

b. Chi thường xuyên: 535.649 triệu đồng, bằng dự toán tính giao, cao hơn dự toán năm 2024 là 95.226 triệu đồng, nếu loại trừ số bổ sung tiền lương tăng thêm theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP thì cao hơn 91.646 triệu đồng, chi thường xuyên con lại tăng thêm so với năm 2024 là 3.580 triệu đồng, cụ thể các lĩnh vực như sau:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề **313.991 triệu đồng**, tăng gần 25% so với dự toán năm 2024. Nếu tính trên nền lương 1,49 triệu đồng, sự nghiệp giáo dục năm 2025 tăng so với năm 2024 là 1.374 triệu đồng, như vậy số tăng không đáng kể, trong khi kinh phí để nâng lương, chuyển ngạch của giáo viên trong năm qua phát sinh rất lớn.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ **200 triệu đồng** bằng dự toán năm 2023;

- Chi thường xuyên các lĩnh vực khác còn lại **221.458 triệu đồng**, tăng hơn 17% so dự toán 2024. Dự toán năm 2025 tăng so với dự toán chi năm 2024 chủ yếu là tăng từ nguồn kinh phí bổ sung thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ⁷; nếu tính theo mặt bằng lương 1,49 triệu đồng, chi thường xuyên các lĩnh vực khác tăng thêm 1.756 triệu đồng (tương ứng tăng thêm 1%) so với dự toán năm 2024.

c. Chi từ nguồn cân đối 50% tăng thu dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 và 50% tăng thu dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 bổ sung chi 2.273 triệu đồng (trong đó: Sự nghiệp giáo dục 1.306 triệu đồng, chi thường xuyên các lĩnh vực khác 967 triệu đồng); đồng thời giảm nguồn CCTL bổ sung từ ngân sách cấp trên (2.273 triệu đồng)

d. Dự phòng ngân sách 11.113 triệu đồng, tăng hơn 19% so với dự toán năm 2024 và chiếm tỷ lệ 2% trên tổng chi cân đối ngân sách.

2.2 Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 156.058 triệu đồng, trong đó:

⁷ Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

- Chi từ nguồn bổ sung từ ngân sách tỉnh **60.074 triệu đồng**⁸, gồm (i) Bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể vốn sự nghiệp 50.604 triệu đồng (*trong đó kinh phí, bổ sung mục tiêu vốn đầu tư nguồn cân đối NSDP 9.470 triệu đồng*).

- Chi từ nguồn bổ sung từ ngân sách Trung ương **95.984 triệu đồng**, trong đó: Bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể 21.541 triệu đồng⁹, bổ sung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 74.443 triệu đồng¹⁰.

(Số liệu chi tiết dự toán chi ngân sách địa phương tại Biểu số 03/UB)

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU-CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025.

I. Về tiêu chí, định mức phân bổ:

1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể khối huyện được phân bổ ổn định như dự toán năm 2024, cụ thể:

a. Tiêu chí:

- Căn cứ số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao, áp dụng hệ số bổ sung theo tính chất hoạt động và theo nhóm đơn vị hành chính thực hiện nhiệm vụ tương đồng.

- Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo số biên chế, các đơn vị được phân bổ kinh phí để đảm bảo chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định và kinh phí để đảm bảo các nhiệm vụ đặc thù, cụ thể của từng cơ quan, đơn vị.

- Phân bổ chi thường xuyên khác (ngoài tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp) cho các cơ quan, đơn vị hành chính đảng, đoàn thể cấp huyện và cấp xã hoạt động bộ máy đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 20% so với tổng chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể của cấp huyện, cấp xã (theo mặt bằng mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng)

b. Định mức phân bổ: Ổn định theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2024, cụ thể:

- Đối với cơ quan, đơn vị có từ 21 biên chế trở lên, định mức là 27 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đối với cơ quan, đơn vị có từ 11 đến 20 biên chế, định mức là 29 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đối với cơ quan, đơn vị có từ 06 đến 10 biên chế, định mức là 31 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đối với cơ quan, đơn vị có từ 05 biên chế trở xuống, định mức là 33 triệu đồng/biên chế/năm.

c. Hệ số bổ sung:

- Áp dụng hệ số bổ sung đối với đặc thù ngành mang tính riêng biệt, cơ quan tổng hợp, cơ quan vận hành trụ sở làm việc:

+ Văn phòng HĐND-UBND huyện, Văn phòng Huyện ủy: Áp dụng hệ số 3.

⁸ Kinh phí thực hiện Đề án chuyển giao các Trung tâm Y tế huyện, thành phố do Sở Y tế quản lý về cho các huyện, thành phố quản lý 41.307 triệu đồng.

⁹ Điều chỉnh tăng, giảm KP thực hiện các chính sách ASXH do Trung ương ban hành đã tính ổn định trong CĐNS năm 2023

¹⁰ Hiện nay Trung ương chưa có văn bản chính thức giao vốn sự nghiệp đối với Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, do đó UBND tỉnh Kon Tum cho phân bổ chi tiết cho các huyện, TP.

- + Ủy ban Mặt trận TQVN; Huyện đoàn áp dụng hệ số 2; Các tổ chức chính trị - xã hội còn lại¹¹, áp dụng hệ số 1,5;
- + Phòng Tài chính - Kế hoạch và Phòng Nội vụ, áp dụng hệ số 1,5;
- Hệ số bổ sung kinh phí hoạt động kiểm tra, thanh tra (*tính trên tổng biên chế được cấp thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị*):
- + Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy: 0,5;
- + Thanh tra huyện: 0,2.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập¹²:

- Đảm bảo đủ quỹ lương, phụ cấp theo số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao¹³ và theo bảng lương tháng 10 năm 2024 (*bao gồm cả biên chế chưa tuyển dụng*).
- Chi thường xuyên được phân bổ theo số lượng người làm việc được giao, cụ thể:

- + Các đơn vị dưới 10 biên chế, định mức 26 triệu đồng/biên chế.
- + Các đơn vị từ 11 đến 20 biên chế, định mức 24 triệu đồng/biên chế.
- + Các đơn vị từ 21 đến 30 biên chế, định mức 22 triệu đồng/biên chế.
- + Các đơn vị từ 31 đến 40 biên chế, định mức 20 triệu đồng/biên chế.
- + Các đơn vị từ 41 đến 50 biên chế, định mức 18 triệu đồng/biên chế.
- + Các đơn vị trên 50 biên chế, định mức 16 triệu đồng/biên chế.

- Đảm bảo các chế độ, chính sách do Trung ương và địa phương ban hành đã được tính ổn định trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.

- Phân bổ cho phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan để thực hiện cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học, kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, tài sản trang thiết bị dạy và học tại các trường học, kinh phí khen thưởng, các nhiệm vụ cấp thiết khác phục vụ dạy và học của ngành theo khả năng cân đối ngân sách.

3. Đối với ngân sách các xã, thị trấn được phân bổ ổn định như dự toán năm 2024, cụ thể:

- Phân bổ đảm bảo đủ quỹ lương, phụ cấp cho số lượng cán bộ, công chức cấp xã (*bao gồm biên chế chưa tuyển dụng*) quy định theo phân loại đơn vị hành chính (*đơn vị hành chính loại 1 là 22 biên chế¹⁴, đơn vị hành chính loại 2 là 20 biên chế*)
- Định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2025 theo tiêu chí biên chế là **22 triệu đồng/biên chế/năm**, và áp dụng hệ số bổ sung theo quy mô dân số bình quân cuối năm 2024, cụ thể:
- + Các xã, thị trấn có quy mô dân số trên 5.000 người: Hệ số 1,6 (*gồm thị trấn Đắk Glei, xã Đắk Pék, xã Đắk Môn và xã Đắk Long*).

¹¹ Gồm: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh

¹² Gồm: Các đơn vị trường học thuộc huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Chính trị huyện.

¹³ Theo mức lương, phụ cấp tại thời điểm tháng 10/2024; số lượng người làm việc theo Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc giao lại số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glei (lần 2).

¹⁴ Theo dự thảo Nghị quyết về số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024 trình tại kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân tỉnh

+ Các xã, thị trấn có quy mô dân số từ 2.500 đến 5.000 người: hệ số 1,3 (gồm xã Đăk Kroong, xã Đăk Choong, xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh)

+ Các xã, thị trấn có quy mô dân số dưới 2.500 người: hệ số 1 (các xã còn lại)

- Quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố: Phân bổ trên cơ sở quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ¹⁵ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh¹⁶: (1) Nghị quyết số 79/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 quy định chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (2) Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 về số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025.

- Phân bổ kinh phí cho các xã, thị trấn để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 81/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đảm bảo kinh phí chi trả hoạt động phí cho đại biểu cho đại biểu HĐND xã); Kinh phí chi hoạt động công tác Đảng (bao gồm chi trả phụ cấp trách nhiệm cấp ủy, kinh phí hỗ trợ Đại hội chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy xã) quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW theo khả năng cân đối ngân sách.

II. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách huyện.

1. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách cấp xã

a. Dự toán thu cân đối ngân sách xã, thị trấn **101.551 triệu đồng**, bao gồm:

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn ngân sách xã, thị trấn được hưởng theo phân cấp **670 triệu đồng**, bằng 43,8% so với dự toán 2024 (trong đó thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng 100 triệu đồng).

- Bổ sung cân đối ngân sách **100.881 triệu đồng**, tăng 25,9% so với dự toán năm 2024 (20.769 triệu đồng), trong đó: Bổ sung cân đối ngân sách trên nền lương 1,49 triệu đồng là 66.434 triệu đồng; bổ sung tiền lương 34.447 triệu đồng.

b. Dự toán chi cân đối ngân sách xã, thị trấn **101.551 triệu đồng**, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất **100 triệu đồng**, giảm so với dự toán năm 2024 là 800 triệu đồng (*theo tỷ lệ điều tiết*).

- Chi thường xuyên **100.613 triệu đồng**, trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề 240 triệu đồng (*Hỗ trợ tiền ăn cho những người hoạt động không chuyên trách tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, ... trong năm*). Tạm phân bổ đều 20 triệu đồng/xã, trong quá trình thực hiện nhu cầu vượt quá kinh phí được phân bổ, các xã, thị trấn tổng hợp báo cáo UBND huyện xem xét, bổ sung theo khả năng cân đối ngân sách huyện.

+ Chi thường xuyên các lĩnh vực khác 100.373 triệu đồng, tăng gần 27,3% so với dự toán năm 2024.

- Giao chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên cân đối thực hiện chính sách tiền lương năm 2025 là **1.218 triệu đồng** (giảm chi thường xuyên).

- Dự phòng ngân sách các xã thị trấn **2.056 triệu đồng**, đảm bảo mức tối thiểu 2% trên tổng chi cân đối ngân sách xã, thị trấn năm 2025.

¹⁵ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

¹⁶ Đang dự thảo, trình kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh thông qua.

2. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách cấp huyện: Dự toán thu cân đối ngân sách huyện 555.672 triệu đồng, sau khi trừ phần thu cân đối ngân sách xã, thị trấn 101.551 triệu đồng nêu trên, dự toán thu cân đối ngân sách cấp huyện còn lại **454.121 triệu đồng**. Dự kiến phân bổ cho các nhiệm vụ chi như sau:

a. Bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể vốn sự nghiệp 2.820 triệu đồng cho ngân sách các xã, thị trấn, bao gồm: (1) Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng Trụ sở HĐND-UBND xã Đắk Choong **300 triệu đồng** (chuyển tiếp từ năm 2024); (2) Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số **600 triệu đồng** (50 triệu đồng/xã, thị trấn); (3) Hỗ trợ **40 triệu đồng** cho thị trấn Đắk Glei tổ chức Hội chợ hoa xuân đón Tết Nguyên đán Ất Ty 2024; (4) Tạm bố trí kinh phí Đại hội Đảng bộ thị trấn Đắk Glei (*đại hội điểm*) **300 triệu đồng**; (5) Hỗ trợ KP trồng rừng theo diện tích được phân bổ đối với các xã không thụ hưởng các Chương trình MTQG **1.230 triệu đồng** (xã Đắk Pék 780 triệu đồng, xã Đắk Môn 450 triệu đồng); (6) KP biên soạn sách "Lịch sử Đảng bộ xã" **350 triệu đồng** (xã Mường Hoong 200 triệu đồng và Ngọc Linh 150 triệu đồng).

b. Dự toán chi cân đối ngân sách cấp huyện: Sau khi loại trừ phần bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho ngân sách xã, thị trấn nêu trên, còn lại **451.301 triệu đồng**, bố trí cho các lĩnh vực chi như sau:

- Chi đầu tư phát triển **8.810 triệu đồng**, bao gồm: Chi đầu tư XD CB vốn trong nước **8.030 triệu đồng**; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất **780 triệu đồng** (*sau khi điều tiết cho ngân sách xã, thị trấn hưởng 100 triệu đồng*), trong đó dành 10% để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ... 100 triệu đồng, số còn lại 668 triệu đồng chi đầu tư phát triển các dự án theo quy định tại Nghị quyết số 67/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (*chi tiết các dự án, công trình tại Kế hoạch đầu tư công năm 2025*)

- Chi thường xuyên **435.707 triệu đồng**, tăng hơn 23,2% so với dự toán năm 2024 (*tăng 82.066 triệu đồng*). Nếu tính trên nền lương 1,49 triệu đồng, chi thường xuyên ngân sách huyện 338.063 triệu đồng, tăng so với năm 2024 là 10.429 triệu đồng (tăng hơn 3%). Dự kiến phân bổ cho các lĩnh vực chi như sau:

+ Chi sự nghiệp Quốc phòng **5.386 triệu đồng**, giảm 26,2% so với dự toán năm 2024 (*tạm bố trí kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của BCH quân sự xã Xốp và xã Đắk Pék 600 triệu đồng*).

+ Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội **2.585 triệu đồng**, giảm 5 triệu đồng so với dự toán năm 2024.

+ Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề **315.057 triệu đồng**, tăng 63.614 triệu đồng so với dự toán năm 2024 (*tăng 25,3%*), trong đó tăng do bổ sung tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (60.934 triệu đồng). Chi tiết: (1) Đảm bảo quỹ tiền lương cho số lượng người làm việc được giao tại thời điểm tháng 10/2024 (bao gồm số biên chế chưa tuyển dụng, theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng) 159.423 triệu đồng; (2) Kinh phí thực hiện các chính sách ASXH thuộc lĩnh vực giáo dục do Trung ương ban hành ổn định như năm 2024 là 42.679 triệu đồng; (3) Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ do HĐND tỉnh ban hành 5.787 triệu đồng; (4) chi thường xuyên (ngoài quỹ lương, các khoản trích theo lương) theo định mức (sau khi cân đối nguồn thu sự nghiệp, thu phí được để lại đơn vị chi hoạt động theo quy định) 19.623 triệu đồng; (5) Bổ sung tiền lương tăng thêm (tạm phân bổ theo số tỉnh giao) 82.207

triệu đồng (trong đó bố trí đủ quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP); (6) Sau khi phân bổ đảm bảo các nội dung theo quy định, số còn lại 11.742 triệu đồng, phân bổ cho phòng Giáo dục và đào tạo 1.550 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của ngành; hỗ trợ hoạt động các Trung tâm học tâm công đồng tại các xã, thị trấn 480 triệu đồng (bằng mức chi năm 2024); quỹ khen thưởng ngành giáo dục và đào tạo giao cho Phòng Nội vụ 1.000 triệu đồng (*tăng 300 triệu đồng so với năm 2024*); Kinh phí mở lớp và các hoạt động khác của Trung tâm Chính trị 543 triệu đồng, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX 13 triệu đồng; Giữ lại chưa phân bổ 8.056 triệu đồng để dự phòng nâng lương thường xuyên, trợ cấp lần đầu, trợ cấp chuyển vùng, kinh phí dạy trẻ, học sinh khuyết tật¹⁷, kinh phí hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP¹⁸ và các nhiệm vụ chi khác phát sinh trong năm mà chưa dự toán.

+ Chi khoa học và công nghệ (nhiệm vụ ứng dụng và chuyển giao công nghệ) **200 triệu đồng**, bố trí bằng dự toán tỉnh giao và bằng dự toán năm 2024.

+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình **774 triệu đồng**, bằng dự toán năm 2023; bố trí thực hiện chính sách ASXH thuộc lĩnh vực Y tế: mua thẻ BHYT cho CCB, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, người làm nhiệm vụ quốc tế tại Lào, Campuchia và đối tượng bảo trợ xã hội.

+ Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin **2.387 triệu đồng**, giảm 2.233 triệu đồng so với dự toán năm 2024. Do nguồn dự toán năm 2025 hạn chế, chưa cân đối bố trí để thực hiện các hoạt động kỷ niệm 50 năm thành lập huyện.

+ Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình **2.602 triệu đồng**, cao hơn mức phân bổ dự toán năm 2024 là 534 triệu đồng, chủ yếu do bổ sung tiền lương tăng thêm theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP).

+ Chi sự nghiệp thể dục, thể thao **500 triệu đồng**, tăng 200 triệu so với dự toán năm 2024, tập trung kinh phí cho tổ chức Đại hội TDTT cấp huyện trong năm 2025.

+ Chi bảo vệ môi trường **9.455 triệu đồng**, tăng so với dự toán năm 2024 6.545 triệu đồng (trong đó: cân đối bố trí đủ kinh phí thực hiện dự án Bãi xử lý rác thải huyện Đắk Glei **8.000 triệu đồng**¹⁹; tăng kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện 1.400 triệu đồng và các nhiệm vụ thường xuyên khác 110 triệu đồng, giảm 55 triệu đồng so với dự toán năm 2024 do cắt giảm kinh phí kinh phí tổ chức các hoạt động ngày lễ môi trường trong năm: Ngày nước thế giới; ngày đa dạng sinh học, ngày môi trường thế giới, ngày chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn)

+ Chi sự nghiệp kinh tế **15.014 triệu đồng** tăng 1.791 triệu đồng so với dự toán năm 2024, phân bổ chi tiết cho các đơn vị cấp huyện thực hiện cơ bản ổn định như

¹⁷ Nhu cầu kinh phí kinh phí chi trả chế độ cho giáo viên giảng dạy trẻ, học sinh khuyết tật học hòa nhập qua báo cáo của Phòng Giáo dục và đào tạo, các đơn vị trường học do không đảm bảo nguồn kinh phí chưa được chi trả là 5.662 triệu đồng (*trong đó riêng năm học 2023-2024 là 4.283 triệu đồng*)

¹⁸ Bổ sung theo thực tế đối với giáo viên được hợp đồng

¹⁹ Theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2022 của HĐND huyện điều chỉnh một số nội dung Chủ trương đầu tư Bãi xử lý rác thải huyện Đắk Glei, trong đó cơ cấu nguồn vốn đầu tư gồm (1) Nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường của Trung ương 7.500 trđ, (2) Nguồn đối ứng ngân sách địa phương từ nguồn sự nghiệp môi trường năm 2022: 2.700 trđ, (3) nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường huyện năm 2023-2024, nguồn ngân sách địa phương từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất (khi có nguồn thu) và nguồn hợp pháp khác 4.750 trđ: Nguồn sự nghiệp môi trường trong cân đối ngân sách đã bố trí năm 2022 và 2023 là 5.400 trđ

năm 2024, riêng kinh phí đối ứng từ NSDP thực hiện các chương trình MTQG tạm thời chưa phân bổ chi tiết (*dự kiến để lại 5.800 triệu đồng*) do hiện nay tỉnh chưa giao đủ vốn sự nghiệp nguồn NSTW thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025.

+ Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể **49.982 triệu đồng**, tăng 10.499 triệu đồng (*tăng 26%*) so với dự toán năm 2024. Nguyên nhân bổ sung tiền lương tăng thêm theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; cân đối tạm bố trí 700 triệu đồng cho Văn phòng Huyện ủy để chi tiêu phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2025-2030. Tỷ lệ chi thường xuyên khác chi (ngoài tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp) cho các cơ quan, đơn vị hành chính đảng, đoàn thể cấp huyện là 20,2% đảm bảo theo quy định HĐND tỉnh quy định²⁰.

+ Chi bảo đảm xã hội **23.651 triệu đồng**, tăng 1.495 triệu đồng so với dự toán năm 2024. Nguyên nhân: Phát sinh mới chi phí quản lý thực hiện các chính sách Bảo trợ xã hội gồm Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và NQ 68/2021/NQ-HĐND 400 triệu đồng; cấp vốn ủy thác qua NHCS xã hội để hỗ trợ thực hiện cho vay hộ nghèo, hộ đối tượng chính sách trên địa bàn huyện **3.000 triệu đồng** (*tăng 1.000 triệu đồng so với năm 2024*)²¹ để thực hiện chính sách tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Kinh phí chúc thọ, mừng thọ theo Luật người cao tuổi (Theo Nghị quyết số 92/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum) tăng 75 triệu đồng; bố trí mới 15 triệu đồng cho Hội Liên hiệp phụ nữ để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em, ...

+ Chi các nhiệm vụ khác **8.114 triệu đồng**, gồm:

- Bố trí dự toán năm 2025 cho công tác mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác của các cơ quan, đơn vị **3.494 triệu đồng**, gồm: Kinh phí duy tu, bảo dưỡng Trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện 886 triệu đồng (*bố trí trả nợ*); Kinh phí thực hiện công trình hữu nghị của 03 huyện Đăk Chung - Tỉnh Sê Kông, huyện Xá Xay - Tỉnh Attapur (Lào) và huyện Đăk Glei - Tỉnh Kon Tum (Việt Nam) 570 triệu đồng; Kinh phí mua màn hình tivi để công khai chương trình công tác tuần của Thường trực HĐND và Lãnh đạo UBND huyện 38 triệu đồng; Bố trí 590 triệu đồng để mua sắm, lắp đặt màn hình LED tại Hội trường 16/5 và hỗ trợ một số đơn vị sắm mua máy vi tính phục vụ chuyên môn đối với các biên chế mới tuyển dụng năm 2024; Tạm bố trí kinh phí cho Ban QLDA đầu tư huyện thực hiện sửa chữa Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND các xã **1.350 triệu đồng** (*xã Đăk Man 700 triệu đồng; xã Đăk Môn 650 triệu đồng*)

- Các nhiệm vụ chi khác ngân sách còn lại **4.620 triệu đồng**: Bao gồm kinh phí Hỗ trợ hoạt động các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp²² 1.176 triệu đồng tăng so với dự toán năm 2024 là 290

²⁰ Theo mặt bằng lương 1,49 triệu đồng.

²¹Theo quy định tại Nghị quyết số 59/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh mức tối thiểu quy định đối với huyện Đăk Glei là 1.500 triệu đồng; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum giao chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2025 là 2.000 triệu đồng tại Văn bản số 4192/UBND-KTTH ngày 21/11/2024.

²² Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Người cao tuổi, Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ và Hội nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin

triệu đồng; Quỹ khen thưởng cấp huyện 450 triệu đồng (bảng dự toán năm 2024); Hỗ trợ Ban chỉ đạo chống thất thu huyện 100 triệu đồng; Tiếp tục bố trí nhiệm vụ thực hiện Đề án chỉnh lý khoa học tài liệu tồn đọng 600 triệu đồng²³.

Sau khi cân đối nguồn chưa phân bổ (*chi khác ngân sách*) còn lại **2.044 triệu đồng**, cao hơn dự toán năm 2024 (*năm 2024 là 1.960 triệu đồng*) để dự phòng cho các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025 mà chưa dự toán được.

- Dự phòng ngân sách cấp huyện **9.057 triệu đồng**, tăng 1.378 triệu đồng so với dự toán năm 2024 và chiếm tỷ lệ 2% trên tổng chi cân đối ngân sách cấp huyện năm 2025.

III. Dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu:

1. Dự toán chi từ nguồn Trung ương bổ sung mục tiêu: **95.984 triệu đồng**, sau khi bổ sung mục tiêu cho ngân sách các xã thị trấn 525 triệu đồng đối với kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa, còn lại ngân sách cấp huyện thực hiện **95.459 triệu đồng**, chi tiết:

- Bổ sung thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông **150 triệu đồng**, bố trí cho Ban An toàn giao thông huyện thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện.

- Bổ sung quỹ lương và chi khác đối với biên chế giáo viên tăng thêm **6.798 triệu đồng**.

- Điều chỉnh, bổ sung một số chính ASXH thuộc lĩnh giáo dục - đào tạo tăng **14.862 triệu đồng**, lĩnh vực Y tế và bảo đảm xã hội giảm **794 triệu đồng** so với dự toán đã tính ổn định trong cân đối năm 2023.

- Nguồn NSTW thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia hiện nay ngân sách tỉnh mới chỉ dự kiến tạm giao **74.443 triệu đồng** do Trung ương chưa có thông báo vốn, trong đó:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 4.223 triệu đồng (vốn ĐTPT 1.933 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.290 triệu đồng)

+ Vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Chưa có số liệu

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 70.220 triệu đồng (vốn ĐTPT 70.220 triệu đồng, vốn sự nghiệp chưa phân bổ)

Đối với nguồn NSTW thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ tại Tờ trình riêng.

2. Dự toán chi từ nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu: **60.074 triệu đồng**, sau khi bổ sung mục tiêu cho ngân sách các xã thị trấn thực hiện 5.281 triệu đồng²⁴, còn lại ngân sách cấp huyện thực hiện 54.793 triệu đồng, chi tiết gồm:

- Phân cấp vốn đầu tư **9.470 triệu đồng**, trong đó: (1) Phân cấp hỗ trợ nông thôn

²³ Gồm: Phòng Tài chính - Kế hoạch 300 trđ, Phòng Giáo dục và Đào tạo 300 trđ

²⁴ Gồm: (1) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 của HĐND tỉnh (Chi hỗ trợ thường xuyên hàng tháng) 3.965 triệu đồng; (2) Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ 1.062 triệu đồng; (3) Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện chuyên mục "diễn đàn cử tri năm" 24 triệu đồng; và (4) kinh phí Hỗ trợ xây dựng thôn nông thôn mới điểm cấp tỉnh tại thôn Làng Mới, xã Mường Hoong 500 triệu đồng

mới 2.870 triệu đồng được phân bổ chi tiết tại Kế hoạch đầu tư công năm 2025; (2) Bổ sung có mục tiêu nguồn thu tiền sử dụng đất từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện 6.600 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ quản lý đất đai (thực hiện theo tiến độ nguồn thu được thông báo), được phân bổ và giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện (*phân bổ chi tiết tại Kế hoạch đầu tư công năm 2025*).

- Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo ăn Tết Ất Ty **1.016 triệu đồng**, phân bổ cho Ủy ban Mặt trận TQVN thực hiện cùng với nguồn cân đối từ ngân sách huyện để hỗ trợ hộ cận nghèo 310 triệu đồng theo quy định tại Nghị quyết số 94/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ **100 triệu đồng**, phân bổ cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng để thực hiện nhiệm vụ được giao (*nguồn trong cân đối 200 triệu đồng*).

- Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh **609 triệu đồng**. Nội dung trình Hội đồng nhân dân huyện tại tờ trình về Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: **1.000 triệu đồng**, bổ sung cho Phòng Giáo dục và Đào tạo để thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện năm 2024 (cùng với nguồn ổn định trong cân đối ngân sách)

- Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 của HĐND tỉnh đối với nội dung hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện và hỗ trợ mua BHYT **1.291 triệu đồng**, Ngân sách huyện thực hiện thanh toán trực tiếp cho cơ quan BHXH theo Hướng dẫn liên ngành số 27 ngày 27/8/2024 của Liên ngành: Sở Lao động - Thương binh và Xã Hội, Sở Tài chính, Công an tỉnh, BHXH tỉnh.

- Đối với kinh phí thực hiện Đề án chuyển giao các Trung tâm Y tế huyện, thành phố do Sở Y tế quản lý về cho các huyện, thành phố quản lý **41.307 triệu đồng**, giao toàn bộ cho Trung tâm Y tế huyện.

(Số liệu chi ngân sách huyện theo lĩnh vực, chi tiết chi ngân sách cấp huyện theo đơn vị dự toán tại các biểu số 03,04,05,06,07,08/UB, kèm theo)

PHẦN THỨ HAI

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH THU, CHI NGÂN SÁCH 2025

I. Về thu ngân sách

1. Tổ chức thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất để tạo nguồn thu. Tăng cường quản lý, khai thác, huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả

sử dụng tài sản công. Các cấp chính quyền, đơn vị liên quan triển khai tốt các biện pháp nhằm tập trung số thu kịp thời, đầy đủ, tăng cường chống thất thu, thu nợ đọng thuế, hạn chế nợ đọng thuế phát sinh, tích cực khai thác các nguồn thu mới, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu.

2. Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thuế với Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính các cấp trong việc báo cáo định kỳ, thường xuyên theo dõi các nguồn thu trên địa bàn, phân tích tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp thu. Phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu đã được Hội đồng nhân dân huyện giao.

II. Về chi ngân sách

1. Đẩy nhanh tiến độ triển khai chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi cho phù hợp với khả năng cân đối của NSNN; động viên thêm nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ sự nghiệp công, xây dựng dự toán chi ngân sách đảm bảo chi tiết đối với từng nhiệm vụ trên cơ sở định mức, chính sách, chế độ quy định, chủ động sắp xếp để cân đối cho nhiệm vụ mới phát sinh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Nguồn vốn đầu tư phát triển tập trung, ưu tiên bố trí trả nợ xây dựng cơ bản và dự án có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng, khai thác trong năm 2025; bố trí vốn hoàn trả ứng trước ngân sách (nếu có). Triển khai các dự án đầu tư phải đảm bảo đúng kế hoạch vốn được giao, cân đối đủ nguồn vốn, không làm phát sinh nợ xây dựng cơ bản. Bố trí đủ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện các dự án đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý..

3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán chi thường xuyên, trong đó giáo dục đào tạo dạy nghề và khoa học công nghệ không được thấp hơn mức dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao. Phân bổ các lĩnh vực chi thường xuyên khác phù hợp tình hình thực tế và điều kiện khả năng ngân sách, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, đề án theo phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách.

4. Các đơn vị, địa phương chủ động sắp xếp nhiệm vụ (*kể cả nhiệm vụ phát sinh*) trong phạm vi dự toán được giao trên tinh thần triệt để tiết kiệm, không phô trương hình thức, chống lãng phí, phù hợp với khả năng ngân sách được giao, kết hợp nguồn thu ngoài ngân sách, tăng cường huy động nguồn xã hội hoá. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan thanh tra, cơ quan chủ quản trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách tại các đơn vị trực thuộc. Thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

5. Tổ chức sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm đầu mối, tinh gọn theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017; thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

6. Điều hành chi ngân sách nhà nước phải theo khả năng, tiến độ nguồn thu, giãn tiến độ các khoản chi chưa cấp thiết vào cuối năm. Ưu tiên thực hiện chi lương, các chính sách hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công khai để đảm bảo chi đúng, đầy đủ cho các đối tượng thụ hưởng. Rà soát, quản lý chặt chẽ để giảm mạnh số chi chuyển nguồn, chỉ thực hiện chuyển nguồn đối với một số khoản chi còn nhiệm vụ và thực sự cần thiết theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt đề án tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Khắc phục triệt để những sai phạm liên quan kết luận kiểm toán ngân sách nhà nước qua các năm.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện khoá XV, Kỳ họp thứ 8 xem xét, quyết định ./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện (t/d);
- Đại biểu HĐND huyện;
- Ban KT-XH, HĐND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Viết Nam